

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Vn-Index diễn biến khởi sắc vượt mốc 1,200 điểm sau khi Fed cam kết giữ nguyên lãi suất đến ít nhất cuối năm 2023, đồng thời nâng kỳ vọng tăng trưởng kinh tế, lạm phát của Mỹ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm theo diễn biến tích cực của TTCK thế giới và bên cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

CTG, DXG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể linh hoạt chốt lời quay vòng 1 phần nhỏ vị thế ngắn hạn khi chỉ số vượt đỉnh

18/03/2021

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,200.94	+1.25
VN30	1,211.54	+1.52
HĐTL VN30F1M	1,211.50	+1.14
HNXIndex	277.48	+0.34
HNX30	405.27	+1.39
UPCoM	81.69	-0.02
USD/VND	23,064	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.42	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.26	+9
Dầu (WTI, \$)	63.81	-1.22
Vàng (LME, \$)	1,737.55	-0.45



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,200.94 (+1.25%)
KLGD (triệu CP) 628.6 (+0.1%)
GTGD (triệu US\$) 668.0 (-2.7%)

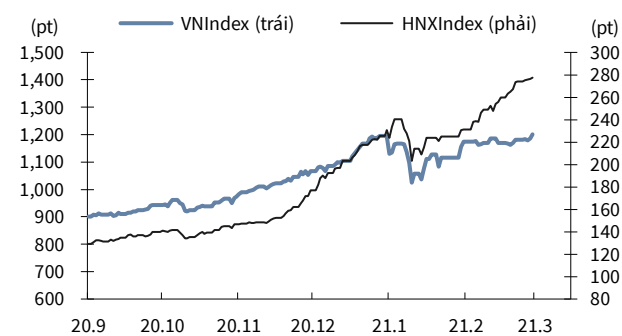
HNXIndex 277.48 (+0.34%)
KLGD (triệu CP) 143.1 (-4.3%)
GTGD (triệu US\$) 114.6 (+10.2%)

UPCoM 81.69 (-0.02%)
KLGD (triệu CP) 50.6 (-39.1%)
GTGD (triệu US\$) 35.8 (-45.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -14.9

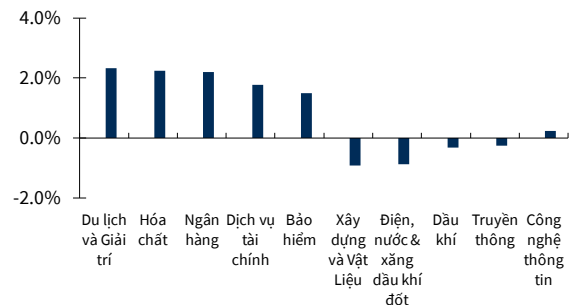
Vn-Index diễn biến khởi sắc vượt mốc 1,200 điểm sau khi Fed cam kết giữ nguyên lãi suất đến ít nhất cuối năm 2023, đồng thời nâng kỳ vọng tăng trưởng kinh tế, lạm phát của Mỹ. Cổ phiếu nhóm ngân hàng giao dịch tích cực TCB (+4.1%), BID (+3.9%), CTG (+2.4%) trước thông tin Moody's giữ nguyên xếp hạng tín nhiệm của Việt Nam ở mức Ba3, đồng thời thay đổi triển vọng từ tiêu cực sang tích cực. Theo OAG, với việc phục vụ hơn 1 triệu lượt hành khách trong tuần gần nhất, hàng không Việt Nam đã lọt nhóm 10 thị trường hàng không lớn nhất thế giới giúp cổ phiếu hàng không tăng giá HVN (+5.2%), VJC (+1%). MDS Transmodal dự báo triển vọng ngành dịch vụ vận tải container sẽ tích cực trong trung hạn và có thể đạt mức tăng trưởng kép 3,2% trong thập kỷ tới giúp cổ phiếu ngành vận tải tăng giá như TMS (+4.3%), VSC (+0.2%). Khối ngoại bán ròng ở CTG (+2.4%), MSB (+1.4%), VNM (+2.0%).

VNIndex & HNXIndex



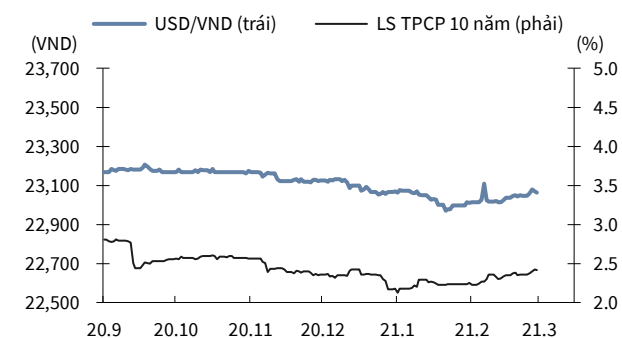
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



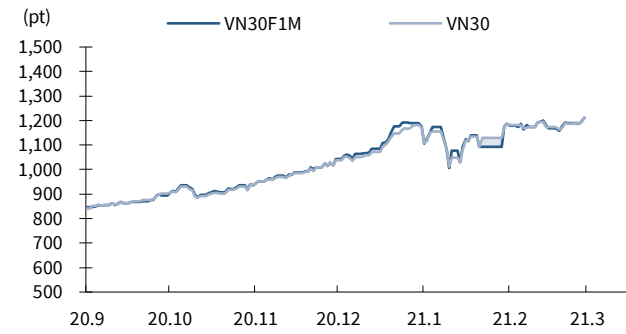
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,211.54 (+1.52%)
VN30F1M	1,211.5 (+1.14%)
Mở cửa	1,204.1
Cao nhất	1,212.0
Thấp nhất	1,203.0
KLGD (HĐ)	111,179 (-11.0%)

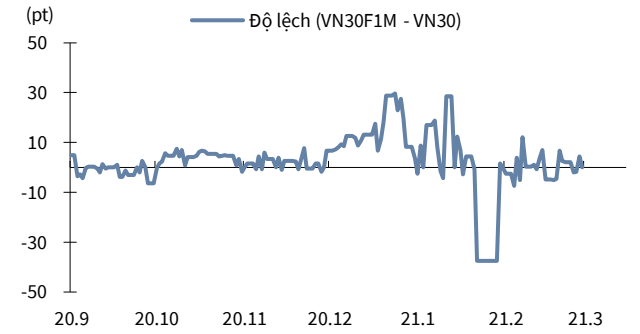
HĐTL tăng điểm theo diễn biến tích cực của TTCK thế giới và bên cơ sở. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức 13.05 và giao động trong biên độ 0 và 5.5, đóng cửa ở mức -0.04. NĐTNN bán ròng ở F2103 và F2104. Thanh khoản thị trường giảm do là phiên đảo hạm phái sinh.

HĐTL VN30F1M & VN30



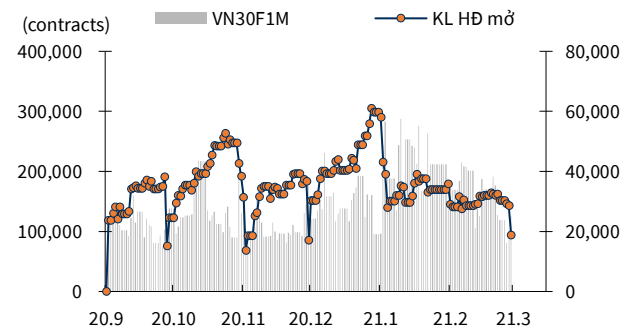
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



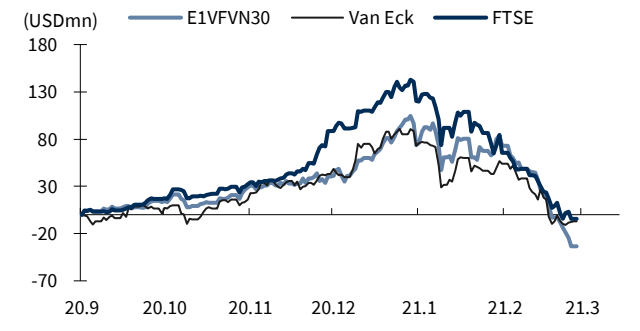
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

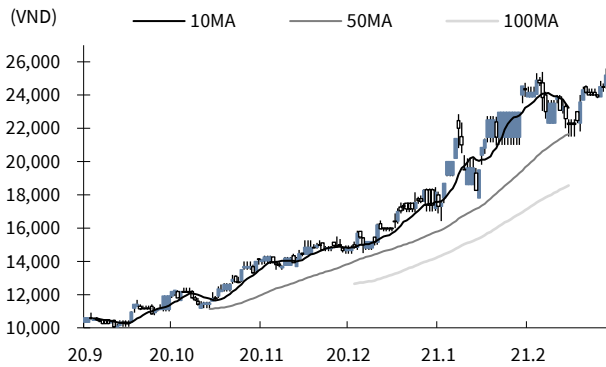
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

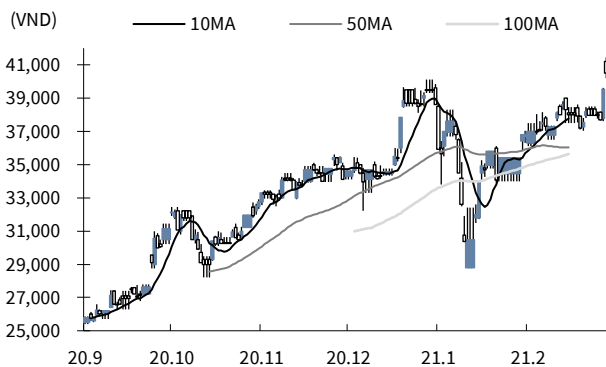
Tập đoàn Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG tăng 2.9% lên 25,200 VNĐ/cp.
- CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS) – công ty con của DXG - dự kiến chào bán IPO tối đa hơn 71.66 triệu cổ phiếu, tương đương 20% vốn từ 29/3 đến hết 19/4.
- Công ty hiện có vốn điều lệ 3,225 tỷ đồng, sở hữu thị phần môi giới sơ cấp dẫn đầu thị trường. Giai đoạn 2018 - 2020, tăng trưởng bình quân kép (CAGR) doanh thu của DXS đạt 14.9%, CAGR biên lợi nhuận gộp ở mức 75.1%.

Vietinbank (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG tăng 2.4% lên 40,500 VNĐ/cp.
- Chia sẻ tại buổi gặp gỡ chuyên viên phân tích, BLĐ VietinBank cho biết lãi trước thuế quý I ước đạt 7,000-8,000 tỷ đồng (chưa gồm phí upfront từ hợp đồng bancassurance độc quyền với Manulife), tăng 135-170% so với cùng kỳ năm trước
- Năm 2021, ngân hàng đặt mục tiêu lợi nhuận tăng 16-18%, tín dụng tăng 6-12% và huy động tăng 8-12%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

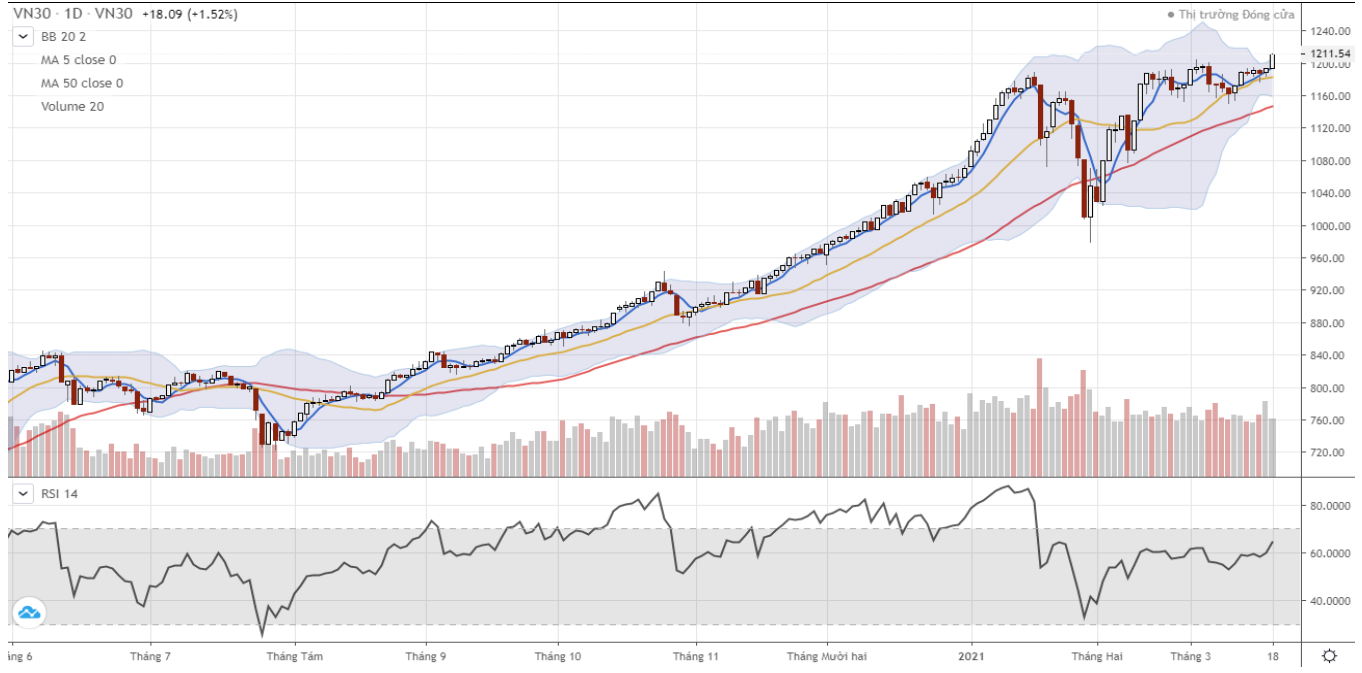
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm với đà tăng mở rộng về cuối phiên.
- Với xung lực tăng điểm tích cực, chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục chinh phục vùng đỉnh lịch sử quanh 1210 vào đầu năm 2018. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý đến khả năng gia tăng áp lực chốt lời và diễn biến rung lắc có thể xảy ra sau khi chỉ số chớm vượt vùng đỉnh này.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể linh hoạt chốt lời quay vòng 1 phần nhỏ vị thế ngắn hạn khi chỉ số vượt đỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1220 - 1225

Kháng cự gần: 1209 - 1212

Hỗ trợ gần: 1200 - 1203

Hỗ trợ xa: 1190 - 1195

- F1 mở gap tăng điểm với đà tăng mở rộng về cuối phiên trong phiên đảo hạn.
- Với xung lực tăng điểm tích cực sau khi vượt đỉnh, chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục mở rộng đà tăng. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý đến khả năng gia tăng áp lực của bên Short tại vùng giá cao và diễn biến rung lắc có thể xảy ra khi chỉ số tiếp cận vùng cản gần tại 122x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ và chốt lời quay vòng ngắn khi vượt đỉnh.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

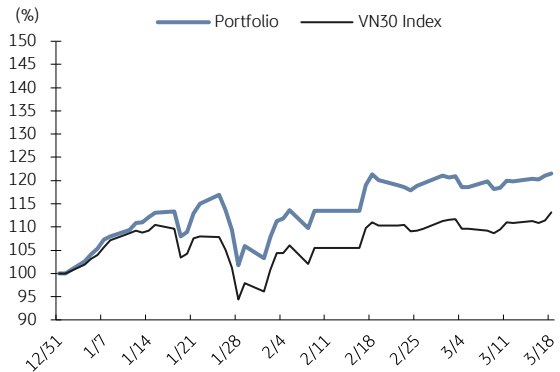
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.52%	0.39%
Tăng lũy kế (YTD)	13.15%	21.52%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 18/03/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,600	0.6%	15.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,150	-2.0%	39.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,900	1.6%	10.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,200	0.7%	71.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	54,100	0.4%	59.1%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	81,000	0.2%	141.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	40,500	2.4%	66.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	91,800	-1.1%	25.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,600	0.6%	138.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	39,900	0.5%	191.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	-0.2%	16.1%	140.2
FUEVFNVD	1.1%	100.0%	46.8
ACB	1.3%	30.0%	40.1
GVR	3.4%	0.5%	23.7
VND	3.7%	20.0%	16.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	2.4%	27.9%	-159.4
MSB	1.4%	30.0%	-112.0
VNM	2.0%	56.7%	-91.7
HPG	0.7%	30.4%	-53.6
VHM	0.4%	22.4%	-28.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	0.0%	3.6%	0.3
IDV	-2.3%	17.3%	0.7
PVS	-1.6%	9.4%	-0.3
DXP	-1.0%	11.9%	0.5
BII	1.2%	3.0%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PMB	9.6%	7.2%	-0.6
SHB	3.2%	5.4%	-0.3
PGS	-1.4%	2.9%	-0.3
SHS	2.9%	9.0%	-0.3
NSH	9.7%	0.4%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	5.2%	FPT, CMG
Hóa chất	3.5%	GVR, DCM
Ngân hàng	3.4%	CTG, BID
Dầu khí	3.1%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	2.9%	TCH, TMT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.9%	GAS, NT2
Xây dựng và Vật Liệu	-0.7%	VCG, PC1
Truyền thông	-0.5%	YEG, ADG
Bảo hiểm	0.2%	MIG, BMI
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.3%	TCM, STK

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	12.0%	GVR, DGC
Tài nguyên Cơ bản	9.1%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	8.2%	VCI, VIX
Du lịch và Giải trí	7.9%	HVN, VJC
Ngân hàng	5.6%	CTG, VPB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-4.1%	VNM, SAB
Bất động sản	-1.7%	VHM, VIC
Truyền thông	-0.8%	YEG, ADG
Bảo hiểm	-0.8%	BVH, BMI
Bán lẻ	0.3%	PIT, PSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,600	360,567 (15,633)	136,691 (5.9)	22.7	46.7	34.9	11.1	8.7	11.3	3.8	3.4	1.8	0.7	-3.1	-1.5
	VHM	VINHOMES JSC	99,700	327,965 (14,220)	255,314 (11.1)	26.7	10.6	8.9	37.1	30.5	28.2	2.9	2.2	0.4	-0.3	-3.4	11.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	35,000	79,531 (3,448)	159,914 (6.9)	18.1	27.5	21.9	-7.6	9.5	11.0	2.5	2.3	0.4	1.9	0.4	11.5
	NVL	NO VA LAND INVES	81,200	86,393 (3,746)	181,873 (7.9)	31.7	21.5	20.0	6.7	10.4	9.4	2.6	2.2	0.9	-2.1	-0.4	24.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,200	17,994 (780)	50,643 (2.2)	13.9	14.7	11.2	17.7	15.5	17.6	2.0	1.8	2.2	2.1	-6.1	9.9
	DXG	DAT XANH GROUP	25,200	13,061 (566)	188,886 (8.2)	15.1	10.6	9.4	-	19.0	18.4	1.7	1.5	2.9	4.3	3.7	58.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,500	361,616 (15,679)	122,487 (5.3)	6.5	17.3	13.9	17.8	20.3	21.3	3.1	2.6	2.0	1.2	-4.4	-0.4
	BID	BANK FOR INVESTM	45,000	180,991 (7,847)	95,938 (4.2)	12.8	18.6	12.3	-5.3	13.2	16.9	2.1	1.8	3.9	3.9	3.7	-6.1
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	41,950	147,031 (6,375)	525,556 (22.8)	0.0	9.9	8.6	14.4	18.2	17.6	1.7	1.4	4.1	4.5	7.8	33.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	40,500	150,798 (6,538)	399,765 (17.4)	2.1	9.1	8.4	61.0	18.1	17.1	1.5	1.4	2.4	6.0	10.1	17.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	45,850	112,550 (4,880)	237,945 (10.3)	0.0	9.3	7.8	18.8	20.4	19.9	1.7	1.4	2.8	4.8	11.0	41.1
	MBB	MILITARY COMMERC	29,200	81,724 (3,543)	528,377 (22.9)	0.2	8.0	6.7	14.6	20.1	20.1	1.4	1.2	0.7	3.4	11.5	28.1
	HDB	HDBANK	27,500	43,829 (1,900)	122,298 (5.3)	4.6	8.0	7.1	23.4	19.5	18.7	-	-	0.0	4.2	7.8	15.8
	STB	SACOMBANK	19,700	35,532 (1,541)	434,987 (18.9)	14.4	13.6	8.2	32.4	9.1	13.5	1.2	1.0	0.5	2.1	5.9	16.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	29,000	29,918 (1,297)	120,054 (5.2)	0.0	7.7	5.5	37.5	23.3	24.1	1.4	1.2	1.0	1.4	4.1	8.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	19,150	23,544 (1,021)	7,763 (0.3)	0.2	39.5	38.1	27.3	3.6	3.6	1.4	1.3	3.8	4.1	3.5	-0.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	60,700	45,059 (1,954)	39,317 (1.7)	21.3	27.7	22.2	15.2	8.2	9.5	2.1	2.0	1.8	0.3	-1.9	-8.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	27,100	2,476 (107)	9,300 (0.4)	14.5	13.4	11.6	8.4	9.3	10.2	1.1	1.0	0.0	-1.1	1.5	-11.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (865)	398,896 (17.3)	57.3	14.0	13.9	0.0	13.5	12.8	-	-	2.1	-1.9	0.0	0.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	64,700	10,714 (465)	67,137 (2.9)	73.1	13.9	-	-4.0	17.9	-	-	-	6.1	9.3	17.6	11.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	32,250	9,838 (427)	136,750 (5.9)	53.6	18.6	-	-19.0	12.1	-	-	-	1.4	-1.1	10.4	2.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	29,800	6,255 (271)	137,470 (6.0)	29.0	-	-	36.7	-	-	-	-	3.7	0.0	8.4	-0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	102,500	214,220 (9,288)	321,733 (14.0)	43.4	20.0	18.4	4.0	35.5	34.9	6.2	5.5	2.0	-0.3	-6.0	-5.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	180,600	115,815 (5,021)	24,186 (1.0)	37.0	21.8	19.2	7.3	25.5	26.2	4.9	4.6	0.8	2.6	-6.2	-7.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	89,700	105,369 (4,569)	108,423 (4.7)	16.8	42.0	23.1	-51.9	14.6	20.9	5.2	4.2	1.9	2.7	-5.7	0.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,000	13,303 (577)	110,331 (4.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.8	-3.6	-3.6	-17.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	134,900	70,666 (3,064)	83,329 (3.6)	10.7	65.3	23.1	-88.3	7.6	18.8	4.3	3.4	1.0	-0.9	2.4	7.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,200	10,006 (434)	76,533 (3.3)	11.0	20.8	16.4	-57.3	7.9	10.3	1.6	1.6	-0.4	3.1	0.3	1.8
	CII	HO CHI MINH CITY	23,400	5,589 (242)	58,525 (2.5)	39.2	16.8	6.0	65.7	7.3	16.8	-	-	0.2	-2.1	3.5	9.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,820	2,168 (094)	58,345 (2.5)	46.3	-	-	-89.3	-	-	-	-	-1.3	9.1	4.1	51.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	23,300	11,230 (487)	129,095 (5.6)	38.3	20.5	10.8	-13.8	9.9	14.7	-	-	3.8	1.5	7.9	3.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	77,800	5,779 (251)	67,897 (2.9)	3.7	11.2	10.7	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	-0.1	-0.3	6.3	0.1
	REE	REE	54,100	16,720 (725)	49,855 (2.2)	0.0	9.4	7.8	-4.5	14.7	15.3	1.3	1.2	0.4	-2.5	-9.2	10.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	91,800	175,701 (7,618)	98,827 (4.3)	46.2	17.2	16.8	-18.6	19.9	19.3	3.3	3.1	-1.1	-1.0	1.9	6.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,500	6,477 (281)	20,086 (0.9)	33.3	13.2	9.8	-10.5	11.9	15.9	1.5	1.5	-1.1	-4.1	-1.5	-8.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	25,850	8,288 (359)	14,697 (0.6)	34.4	11.3	10.8	-5.1	11.2	12.4	1.3	1.3	0.6	-6.8	-1.3	5.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	46,600	154,399 (6,694)	894,709 (38.8)	18.6	9.2	8.3	25.2	25.9	23.3	2.1	1.7	0.6	0.4	6.3	12.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	19,600	7,670 (333)	55,669 (2.4)	35.8	11.7	12.6	0.2	8.6	8.2	0.9	0.9	-0.3	2.1	12.6	4.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	17,450	9,238 (401)	73,329 (3.2)	45.8	16.7	17.8	-4.3	9.0	8.3	1.4	1.4	0.0	3.6	27.8	24.6
	HSG	HOA SEN GROUP	28,700	12,751 (553)	255,303 (11.1)	41.3	8.8	8.0	67.9	21.1	19.9	1.7	1.5	1.1	0.9	15.3	29.6
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	16,700	3,703 (161)	54,810 (2.4)	97.2	10.9	9.8	21.9	10.3	11.0	0.9	1.0	0.6	3.1	18.0	16.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,700	70,326 (3,049)	185,023 (8.0)	3.9	21.7	17.6	-49.7	15.9	17.2	3.0	3.0	-0.2	3.8	2.9	5.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,900	10,065 (436)	280,738 (12.2)	41.3	34.5	21.3	-11.9	2.1	3.1	0.7	0.7	-1.2	-1.0	2.1	47.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	18,150	5,874 (255)	93,064 (4.0)	36.6	8.8	8.1	-0.1	13.7	13.9	1.2	1.1	-0.3	-0.3	1.4	29.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	133,600	62,274 (2,700)	128,443 (5.6)	0.0	12.6	9.7	13.7	27.9	28.7	3.1	2.6	0.6	0.8	-4.2	12.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,900	19,303 (837)	38,936 (1.7)	0.0	15.5	12.3	7.0	23.2	24.7	3.2	2.6	1.6	1.1	-3.0	4.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	39,700	1,242 (054)	1,088 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	-1.2	-1.5	-13.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	30,400	2,401 (104)	48,851 (2.1)	34.8	16.3	13.6	-75.2	10.2	14.1	-	-	0.5	5.2	7.8	-5.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,600	8,347 (362)	55,220 (2.4)	34.5	10.1	10.1	41.2	26.4	23.4	2.5	2.5	0.2	-1.4	-0.5	-2.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,000	13,336 (578)	1,165 (0.1)	45.4	17.6	16.7	10.7	21.1	20.6	3.4	3.1	0.8	0.5	1.7	-1.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	79,300	5,948 (258)	120 (0.0)	10.4	-	-	1.7	-	-	-	-	0.4	2.3	-1.1	3.7
IT	FPT	FPT CORP	81,000	63,496 (2,753)	182,487 (7.9)	0.0	16.1	13.8	15.6	25.1	25.8	3.6	3.1	0.2	5.6	3.6	37.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhhd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.